

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2023/HS-ST  
Ngày 19-6-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Thanh Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Tô Thị Lành và ông Nguyễn Bá Lý.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thuý Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

**Đỗ Đức T**, sinh năm 2002 tại Gia Lai; nơi đăng ký thường trú: Tổ 1, phường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai; chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ quán karaoke; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc M; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giữ ngày 29-12-2022 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Đỗ Văn D, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

*Người chứng kiến:* Ông Nguyễn Khắc N, sinh năm 1962; địa chỉ: 61/4 đường L, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trên cơ sở kết quả điều tra, xác định được như sau:

Đỗ Đức T sử dụng chất ma túy (loại MDMA và Ketamine) từ khoảng tháng 9 năm 2022. Thông qua mối quan hệ xã hội, Đỗ Đức T kết bạn qua mạng Facebook với người thanh niên tên B (không rõ nhân thân, lai lịch) là người có bán ma túy. Vào khoảng 20 giờ ngày 27-12-2022, Đỗ Đức T gọi điện thoại qua ứng dụng Messenger cho B hỏi mua ma túy thì B đồng ý và hẹn gặp nhau tại đường hẻm số 144/11 đường W, tổ 3, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau đó, Đỗ Đức T đi bộ đến khu vực đã hẹn và đã mua của B 1 gói ma túy loại Ketamine và 3 viên ma túy loại MDMA với giá 4.150.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, Đỗ Đức T cất giấu toàn bộ số ma túy này trong túi áo mặc trên người rồi đi bộ về nhà trọ tại tổ 4 (nay là tổ 2), phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Khoảng 22 giờ ngày 28-12-2022, Đỗ Đức T mang theo trong người số ma túy đã mua được và đi bộ trên đường Đ, phường I, thành phố P để tìm nơi sử dụng ma túy. Đến 22 giờ 30 phút cùng ngày, khi Đỗ Đức T đang đứng trước số nhà 35C Đ, phường I, thành phố P tìm nơi để sử dụng ma túy thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Gia Lai phối hợp cùng lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố P phát hiện, bắt quả tang thu giữ vật chứng, gồm: 3 viên nén màu cam trong gói nilon (đã niêm phong theo quy định, ghi số 01); 1 gói nilon dạng kín bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể, màu trắng (đã niêm phong theo quy định, ghi số 02); 1 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh kèm thẻ sim (mặt sau sim có dãy số 8984-8000-909-793-968).

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

## 2. Các vấn đề khác:

Tại Kết luận giám định số 61/KL-KTHS ngày 06-01-2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận:

*“1. 03 (ba) viên nén, màu cam trong 01 (một) gói nilon, trong bì công văn ghi “Số 01” niêm phong gửi giám định đều là **ma túy**, loại **MDMA**, tổng khối lượng **1,5183 gam**.*

*2. Chất màu trắng dạng tinh thể trong 01 (một) gói nilon, trong bì công văn ghi “Số 02” niêm phong gửi giám định là **ma túy**, loại **Ketamine**, khối lượng **1,4533 gam**”.*

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận nêu trên.

## 3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Cáo trạng số: 85/CT-VKS ngày 18-4-2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Đỗ Đức T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo các điểm c và g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Đỗ Đức T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Đức T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng các điểm c và g khoản 1 Điều 249, Điều 38, Điều 50 và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đỗ Đức T với mức án từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và căn cứ các khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu và tiêu hủy khối lượng ma túy còn lại sau giám định trong 2 bì công văn dán kín ghi số 61/PC09 ngày 06-01-2023 được đánh dấu lần lượt “số 01” và “số 02” có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai (Có các chữ ký; họ và tên của Phạm Thế D1, Võ Đình T1 và Bùi Sĩ T2).

Tịch thu và tiêu huỷ 1 thẻ sim số của bị cáo Đỗ Đức T.

Tịch thu, sung quỹ nhà nước 1 điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh (điện thoại cũ, đã qua sử dụng, vỡ ốp lưng; Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P không kiểm tra tình trạng bên trong) của bị cáo Đỗ Đức T.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án:

Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và bị cáo rất ăn năn hối hận về việc làm của mình; kính mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét thấy lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Đỗ Đức T phạm tội như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 27-12-2022, tại đường hẻm số 144/11 đường W, tổ 3, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Đỗ Đức T đã mua của đối tượng B (không rõ nhân thân, lai lịch) 1 gói ma túy loại Ketamine và 3 viên ma túy loại MDMA,

với giá 4.150.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, Đỗ Đức T cất giấu trong người với mục đích để sử dụng. Vào lúc 22 giờ 30 phút ngày 28-12-2022, khi Đỗ Đức T mang theo trong người toàn bộ số ma túy nêu trên và đang đứng trước số nhà 35C Đ, phường I, thành phố P để tìm nơi sử dụng thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Gia Lai phối hợp cùng lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố P phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng.

Hành vi tàng trữ 1,5183 gam chất ma túy loại MDMA và 1,4533 gam chất ma túy loại Ketamine với mục đích để sử dụng do bị cáo Đỗ Đức T thực hiện đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được tác hại của các chất ma túy đối với sức khỏe con người, việc sử dụng các chất ma túy là nguyên nhân gián tiếp làm phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, bị cáo cũng biết rõ pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép các chất ma túy nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai quyết định truy tố ra trước Tòa án để xét xử đối với bị cáo Đỗ Đức T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại các điểm c và g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình với một hình phạt tương xứng.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án:

Tịch thu và tiêu hủy khối lượng ma túy còn lại sau giám định trong 2 bì công văn dán kín ghi số 61/PC09 ngày 06-01-2023 được đánh dấu lần lượt “số 01” và “số 02” có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai (Có các chữ ký; họ và tên của Phạm Thế D1, Võ Đình T1 và Bùi Sĩ T2).

Thẻ sim số của bị cáo Đỗ Đức T không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy.

Bị cáo Đỗ Đức T đã sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh vào việc liên lạc để mua chất ma túy; vì vậy cần tịch thu, sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại này của bị cáo Đỗ Đức T.

[6] Về các vấn đề khác:

Đối tượng tên B là người mà bị cáo khai đã cho bị cáo chất ma túy. Do bị cáo không biết được nhân thân, lai lịch của đối tượng B; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã tiến hành mở danh bạ điện thoại, nhật ký cuộc gọi, tin nhắn trong chiếc điện thoại đã thu giữ của Đỗ Đức T nhưng không xác định được số điện thoại của B và không có nội dung liên quan đến việc mua bán ma túy; đồng thời, đã xác minh tại địa bàn phường I, thành phố P nhưng không xác định được đối tượng tên B có liên quan đến ma túy nên chưa có căn cứ để điều tra, xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

Đỗ Đức T cất giấu ma túy trong nhà trọ của ông Đỗ Văn D; ông Đỗ Văn D không biết nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điểm c và g khoản 1 Điều 249, Điều 38, Điều 50 và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Đức T.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Đức T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Đỗ Đức T 2 (hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 29-12-2022.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và căn cứ các khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu và tiêu hủy khối lượng ma túy còn lại sau giám định trong 2 bì công văn dán kín ghi số 61/PC09 ngày 06-01-2023 được đánh dấu lần lượt “số 01” và “số 02” có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai (Có các chữ ký; họ và tên của Phạm Thế D1, Võ Đình T1 và Bùi Sĩ T2).

Tịch thu và tiêu hủy 1 thẻ sim số của bị cáo Đỗ Đức T.

Tịch thu, sung quỹ nhà nước 1 điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh (điện thoại cũ, đã qua sử dụng, vỡ ốp lưng; Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P không kiểm tra tình trạng bên trong) của bị cáo Đỗ Đức T.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26-4-2023 giữa Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P).

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đỗ Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:**

Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo và ông Đỗ Văn D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 19-6-2023.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. P;
- UBND phường L, thành phố P;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Cao Thị Thanh Huyền**